

Số: 4945 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ II năm học 2021-2022
(Bổ sung lần 2)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ II năm học 2021-2022 (bổ sung lần 2) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

Tổng số tiền thanh toán: **43.221.500** đồng, trong đó:

1. Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: **41.889.500** đồng.

2. Số tiền giảng dạy sau đại học: **1.332.000** đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC(10).



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 2)**

(Kèm theo Quyết định số **4945** /QĐ-HVN ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TG251	Nông Văn	Vin	78.5	5,887,500			78.5	5,887,500		5,887,500	
2	TG288	Đặng Tiến	Hòa	83.0	6,640,000			83.0	6,640,000		6,640,000	
3	TG551	Nông Văn	Nam	93.6	6,552,000			93.6	6,552,000		6,552,000	
4	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	196.5	15,720,000			196.5	15,720,000		15,720,000	
5	TG434	Nguyễn Hữu	Nam			11.1	1,332,000	11.1	1,332,000		1,332,000	
6	MG179	Đoàn Thị Thanh	Hương	36.2	2,715,000			36.2	2,715,000		2,715,000	
7	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	62.5	4,375,000			62.5	4,375,000		4,375,000	
		Tổng cộng		550.3	41,889,500	11.1	1,332,000	561.4	43,221,500		43,221,500	

Tổng số tiền thanh toán: **43,221,500** đồng

Bằng chữ: *Bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng./.*



**BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THÌNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 2)**

(Kèm theo Quyết định số 4945 /QĐ-HVN ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Còn tính (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	20
1	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	LT	K63CKDL	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	37.00	75,000	2,775,000				37.00	2,775,000	2,775,000	
2	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	GK	K63CKDL	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	0.60	75,000	45,000				0.60	45,000	45,000	
3	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K63CKDL	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	600,000	
4	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	CB	K63CKDL	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	1.50	75,000	112,500				1.50	112,500	112,500	
5	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	LT	K63CKCTM	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	22.00	75,000	1,650,000				22.00	1,650,000	1,650,000	
6	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	GK	K63CKCTM	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	0.40	75,000	30,000				0.40	30,000	30,000	
7	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K63CKCTM	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	600,000	
8	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	103/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	CB	K63CKCTM	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	1.00	75,000	75,000				1.00	75,000	75,000	
9	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TĐ	107/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K63CKDL	CD03330	Kỹ thuật mô tô xe máy	8.00	80,000	640,000				8.00	640,000	640,000	
10	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TĐ	107/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K65CNKTOA	CD03352	Kết cấu động cơ đốt trong	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	1,200,000	
11	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TĐ	107/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K65CNKTOA	CD03352	Kết cấu động cơ đốt trong	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	1,200,000	
12	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TĐ	107/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K65CNKTOA	CD03352	Kết cấu động cơ đốt trong	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	1,200,000	
13	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TĐ	107/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K65CNKTOB	CD03352	Kết cấu động cơ đốt trong	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	1,200,000	
14	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TĐ	107/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	TH	K65CNKTOC	CD03352	Kết cấu động cơ đốt trong	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	1,200,000	
15	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	105/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	GT	K64CNOTO	CD03365	Thực tập kỹ thuật ô tô I	93.60	70,000	6,552,000				93.60	6,552,000	6,552,000	
16	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	LT	K64CNOTOA	CD03360	Điều khiển điện tử trên ô tô	45.00	80,000	3,600,000				45.00	3,600,000	3,600,000	
17	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	GK	K64CNOTOA	CD03360	Điều khiển điện tử trên ô tô	3.30	80,000	264,000				3.30	264,000	264,000	
18	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	CB	K64CNOTOA	CD03360	Điều khiển điện tử trên ô tô	8.10	80,000	648,000				8.10	648,000	648,000	
19	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	LT	K64CNOTOB	CD03360	Điều khiển điện tử trên ô tô	45.00	80,000	3,600,000				45.00	3,600,000	3,600,000	
20	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	GK	K64CNOTOB	CD03360	Điều khiển điện tử trên ô tô	3.40	80,000	272,000				3.40	272,000	272,000	
21	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	CB	K64CNOTOB	CD03360	Điều khiển điện tử trên ô tô	8.40	80,000	672,000				8.40	672,000	672,000	
22	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	LT	K64CNOTOA	CD03362	HT an toàn&tiện nghi trên ô tô	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000	2,400,000	
23	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	GK	K64CNOTOA	CD03362	HT an toàn&tiện nghi trên ô tô	3.40	80,000	272,000				3.40	272,000	272,000	
24	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTĐ-HVN-ĐL	28/01/2022	CB	K64CNOTOA	CD03362	HT an toàn&tiện nghi trên ô tô	8.50	80,000	680,000				8.50	680,000	680,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng tình giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Còn lại (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)				
25	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTG-HVN-ĐL	28/01/2022	LT	K64CNOTOB	CD03362	HT an toàn&tiện nghi trên ô tô	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000	2,400,000	
26	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTG-HVN-ĐL	28/01/2022	GK	K64CNOTOB	CD03362	HT an toàn&tiện nghi trên ô tô	3.30	80,000	264,000				3.30	264,000	264,000	
27	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	101/HĐTG-HVN-ĐL	28/01/2022	CB	K64CNOTOB	CD03362	HT an toàn&tiện nghi trên ô tô	8.10	80,000	648,000				8.10	648,000	648,000	
28	TG434	Nguyễn Hữu	Nam	GVCC và TĐ	108/HĐTG-HVN-BLTY	02/03/2022	LTCH	CH30TYV	TY06018	Bệnh lý học thú y nâng cao				10.00	120,000	1,200,000	10.00	1,200,000	1,200,000	
29	TG434	Nguyễn Hữu	Nam	GVCC và TĐ	108/HĐTG-HVN-BLTY	02/03/2022	GKCH	CH30TYV	TY06018	Bệnh lý học thú y nâng cao				0.30	120,000	36,000	0.30	36,000	36,000	
30	TG434	Nguyễn Hữu	Nam	GVCC và TĐ	108/HĐTG-HVN-BLTY	02/03/2022	CBCH	CH30TYV	TY06018	Bệnh lý học thú y nâng cao				0.80	120,000	96,000	0.80	96,000	96,000	
31	MG179	Đoàn Thị Thanh	Hương	GVC và TĐ	18/HĐTG-HVN-SH	06/01/2022	LT	K66CNSDA	SH01102	Sinh lý người và động vật	30.00	75,000	2,250,000				30.00	2,250,000	2,250,000	
32	MG179	Đoàn Thị Thanh	Hương	GVC và TĐ	18/HĐTG-HVN-SH	06/01/2022	GK	K66CNSDA	SH01102	Sinh lý người và động vật	1.80	75,000	135,000				1.80	135,000	135,000	
33	MG179	Đoàn Thị Thanh	Hương	GVC và TĐ	18/HĐTG-HVN-SH	06/01/2022	CB	K66CNSDA	SH01102	Sinh lý người và động vật	4.40	75,000	330,000				4.40	330,000	330,000	
34	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	109/HĐTG-HVN-SH	15/02/2022	LT	K63CNSHB	SH03058	Nông nghiệp công nghệ cao	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	1,050,000	
35	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	109/HĐTG-HVN-SH	15/02/2022	LT	K63CNSHD	SH03058	Nông nghiệp công nghệ cao	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	1,050,000	
36	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	109/HĐTG-HVN-SH	15/02/2022	LT	K64CNSHP	PSH03030	CN nuôi cấy mô tế bào TV	22.00	70,000	1,540,000				22.00	1,540,000	1,540,000	
37	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	109/HĐTG-HVN-SH	15/02/2022	TH	K64CNSHP	PSH03030	CN nuôi cấy mô tế bào TV	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000	560,000	
38	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	109/HĐTG-HVN-SH	15/02/2022	GK	K64CNSHP	PSH03030	CN nuôi cấy mô tế bào TV	0.70	70,000	49,000				0.70	49,000	49,000	
39	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	109/HĐTG-HVN-SH	15/02/2022	CB	K64CNSHP	PSH03030	CN nuôi cấy mô tế bào TV	1.80	70,000	126,000				1.80	126,000	126,000	
Tổng cộng											550.30		41,889,500	11.10		1,332,000	561.40	43,221,500	43,221,500	

Tổng số tiền thanh toán:

43,221,500 đồng

Bằng chữ:

Bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng./.

